TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/7/2023
"*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Duy Phước;

2. Ông Hồ Văn Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Hường – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 50/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc A1, sinh năm 1996; Địa chỉ: Tổ B, phường A P, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Chị A1 có mặt.

Bị đơn: Anh Đinh Hoàng V, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ B, phường AP, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Anh V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án chị Nguyễn Thị Ngọc A1 trình bày: Tôi và anh Đinh Hoàng V tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND phường AP, thị xã A, tỉnh Gia Lai theo giấy đăng ký kết hôn số 03 ngày 03/3/2017. Trong quá trình chung sống chúng tôi có nhiều mẫu thuẫn, hay cãi nhau, có lần anh V đánh đập tôi nên sống với nhau không có hạnh phúc. Tình trạng này diễn ra nhiều lần nên chúng tôi đã ly đến nay hơn 01 năm, không còn tình cảm vợ chồng. Nay tôi xét thấy không còn tình cảm với anh V nên yêu được ly hôn với anh V. Về con chung, tôi và anh V có 03 con chung là Đinh Hoàng L, sinh ngày 06/11/2017, Đinh Hoàng K, sinh ngày 19/6/2019 và Đinh Quỳnh N, sinh ngày 01/9/2021. Hiện nay anh V đang nuôi cháu L và K còn tôi đang nuôi cháu N. Tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, còn anh V nuôi 02 cháu L và cháu K. Về cấp dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đinh Hoàng V trình bày có trong hồ sơ thể hiện nội dung như sau: Anh V và chị A1 có thời gian tự nguyện chung sống, kết hôn như chị A1 trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do suy nghĩ khác nhau nhưng cũng không có gì lớn. Anh V không đồng ý ly hôn với chị A1, vì để có thời gian suy nghĩ về tình cảm của nhau. Nếu chúng tôi thật sự không còn hạnh phúc thì giải quyết phần tài sản xong rồi mới đồng ý thuận tình ly hôn. Về con chung, anh V trình bày có 03 con chung là Đinh Hoàng L, sinh ngày 06/11/2017, Đinh Hoàng K, sinh ngày 19/6/2019 và Đinh Quỳnh N, sinh ngày 01/9/2021 như chị A1 đã khai. Từ khi ly thân đến nay anh V nuôi 02 cháu Đinh Hoàng L, và Đinh Hoàng K còn chị A1 đang nuôi cháu Đinh Quỳnh N. Vì cháu N còn nhỏ nên anh V đồng ý để chị A1 nuôi, còn anh V yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu L và cháu K để thuận tiện việc đi học cho các con. Về cấp dưỡng không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con, nếu chị A1 không nuôi được con thì anh V sẽ nuôi hết các con, chứ không ý kiến gì. Về tài sản chung, anh V trình bày có tài sản chung nhưng anh V không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Ngọc A1 yêu cầu ly hôn với anh Đinh Hoàng V có địa chỉ cư trú tại Tổ B, phường AP, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý giải quyết án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đinh Hoàng V đã đến Tòa án thị xã A làm việc, sau đó đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Vì thế, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc A1 và anh Đinh Hoàng V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhA1 giữa chị A1 và anh V là hợp pháp. Sau khi kết hôn chị A1 và anh V sống hạnh phúc thời gian, có phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân nên chị A1 làm đơn yêu cầu được ly hôn với anh V. Quá trình hoà giải tại Toà án anh V cho rằng không muốn ly hôn nhưng anh V không có ý kiến gì về việc được tiếp tục chung sống với chị A1 để cùng nhau đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc nuôi dạy các con. Sau đó, Toà án đã triệu tập anh V đến tham gia phiên hoà giải cũng như tham gia phiên toà nhiều lần để động viên các bên trở về đoàn tụ nhưng anh V đều vắng mặt, không có lý do. Từ khi Toà án hoà giải lần thứ nhất ngày 17/3/2023 cho đến nay anh V không có ý kiến gì với chị A1 về việc được đoàn tụ với chị A1, hơn nữa, hiện nay giữa chị A1 và anh V đã không còn sống chung với nhau không quan tâm đến cuộc sống của vợ chồng. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị A1 và anh V là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ngọc A1 được ly hôn với anh Đinh Hoàng V.

[4] Về con chung: Chị A1, anh V có 03 con chung là Đinh Hoàng L, sinh ngày 06/11/2017, Đinh Hoàng K, sinh ngày 19/6/2019 và Đinh Quỳnh N, sinh ngày 01/9/2021. Sau khi vợ chồng mâu thuẫn, ly thân thì cháu Đinh Hoàng L và

Đinh Hoàng K được anh V nuôi, còn cháu Đinh Quỳnh N được chị A1 nuôi cho đến nay. Tại phiên toà chị A1 trình bày thỉnh thoảng chị có về thăm con, chị A1 thấy cháu K, cháu L được anh V nuôi và phát triển tốt. Trong phiên hoà giải ngày 17/3/2023 anh V có ý kiến xin nuôi 02 con là cháu L, cháu K và đồng ý để chị A1 nuôi cháu N. Tại phiên toà chị A1 yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N và đồng ý để anh V anh V nuôi cháu L, cháu K. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị A1 và anh V, giao cho anh V tiếp tục nuôi cháu cháu Đinh Hoàng L và Đinh Hoàng K, giao cho chị A1 tiếp tục nuôi cháu cháu Đinh Quỳnh N, là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V và chị A1 không có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị A1, anh V, tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dA1 sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị A1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, anh V không phải chịu dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc A1.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc A1 được ly hôn với anh Đinh Hoàng V.
- Về nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc A1, nuôi 01 con chung cháu Đinh Quỳnh N, sinh ngày 01/9/2021; giao cho anh Đinh Hoàng V, nuôi 02 con chung cháu Đinh Hoàng L, sinh ngày 06/11/2017, Đinh Hoàng K, sinh ngày 19/6/2019 khi các con chưa thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.
- Chị Nguyễn Thị Ngọc A1 và anh Đinh Hoàng V không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.
- Vì lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A1 phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006599 ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Chị A1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 07/7/2023) các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Các đương sự;
- UBND P. AP, TX. A (Để ghi vào sổ hộ tịch; Kết hôn số 03/2017 ngày 03/3/2017).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Trung Toàn